



## Văn thơ Trần Quang Triều, chủ soái của Bích Động thi xã - Hội thơ đầu tiên của văn học trung đại Việt Nam

Hoàng Thị Thu Giang<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>Trường Đại học Hạ Long

\*Email: hoangthithugiang98@gmail.com

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

21/10/2019

Ngày duyệt đăng:

10/9/2019

Từ khóa:

Trần Quang Triều, văn học trung đại, hội thơ, Bích Động thi xã

### Tóm tắt

Trần Quang Triều là một danh sĩ có nhiều đóng góp cho nền văn học Quảng Ninh trung đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Ông chính là người sáng lập, là chủ soái của Bích Động thi xã - một trong những hội thơ sớm nhất của nền thi ca phong kiến Việt Nam. Nghiên cứu sự nghiệp văn thơ mà ông để lại giúp thế hệ hôm nay thêm hiểu rõ hơn về chủ soái của Bích Động thi xã - Hội thơ xuất hiện trước cả Tao đàn Nhị thập bát tú do vua Lê Thánh Tông sáng lập. Đó cũng là con đường để con cháu hôm nay hiểu rõ hơn về diện mạo tư tưởng, tinh thần của cha ông trước.

### 1. Giới thiệu

Trần Quang Triều (1287 - 1325) còn có tên là Nguyên Đào, biệt hiệu là Cúc Đường chủ nhân và Vô Sơn Ông, là một nhà chính trị, tôn thất hoàng gia Trần triều, làm quan đến chức Tư đồ (Tể tướng) thời Trần Minh Tông. Ông còn là một cư sĩ Phật giáo mộ đạo.

Là con trai cả Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, cháu nội Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và là em trai của Bảo Từ Thuận Thánh hoàng hậu - chính thê của Trần Anh Tông, khi mới 14 tuổi Trần Quang Triều đã được phong tước Văn Huệ Vương và sau đó được làm quan tại triều. Là người văn võ toàn tài nhưng ông không ham phú quý. Khi đương chức tại triều, những lúc trên đường đi công cán, ông thường tỏ ý nhớ nhà, muốn về quê cha đất tổ - nơi có điền trang và thái ấp tổ tiên. Khi vợ là Thượng Trân công chúa mất, ông đã xin về ở am Bích Động gần chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều, lập ra Bích Động thi xã<sup>3</sup> xứng hợp

với các bạn thơ và cũng là bạn đồng liêu như Nguyễn Sương, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Ước, Tự Lạc tiên sinh, ... Những cuộc sinh hoạt văn chương này đã tạo nên bầu sinh quyển văn hóa thuận lợi để các thi nhân của Bích Động thi xã cống hiến nhiều tác phẩm hay, độc đáo, giàu ý nghĩa cho đời, làm giàu cho văn học Quảng Ninh trung đại nói riêng, văn học Việt Nam trung đại nói chung.

### 2. Văn thơ Trần Quang Triều

Sau khi Trần Quang Triều mất, bạn bè ông đã thu thập và biên tập thơ ông thành tập *Cúc Đường di cao*. Nhưng trong thời gian kháng Minh, tập thơ ấy đã bị thất lạc. Đến đầu thời Lê, Phan Phu Tiên sưu tầm được 11 bài bèn chép trong *Việt âm thi tập*, gồm *Chu trung độc chước*, *Đề Gia Lâm tự*, *Đề Liêu Nguyên Long tổng họa cảnh phiến*, *Đề Phúc Thành từ đường*, *Giang thôn tức sự*, *Hoàng châu đạo lộ tác*, *Mai thôn phế tự*, *Quá An Long*, *Quy chu tức sự*, *Trường An hoài cổ*... Trong đó, bài *Trường An hoài cổ* được cho là “lấp lánh một dự

<sup>3</sup> Bích Động thi xã là hội thơ do Trần Quang Triều làm chủ soái, được lập ở am Bích Động, cạnh chùa Quỳnh Lâm (nay thuộc xã Trảng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), nơi có các lăng mộ vua Trần,

điền trang và thái ấp tổ tiên của Trần Quang Triều. Thi xã đã tụ hội được một số nhà thơ có tiếng thời bấy giờ, những thành viên còn biết đến ngày nay là Trần Quang Triều, Nguyễn Sương, Nguyễn Ước, Nguyễn Trung Ngạn...

*báo thiên tài, báo hiệu sự suy vong không cưỡng nổi của nhà Trần”*[6;19].

Mặc dù số tác phẩm thơ của Trần Quang Triều còn lại không nhiều, nhưng ông cùng với Nguyễn Úc và Nguyễn Sương hợp thành một dòng thơ riêng thời Trần, mang tuyên ngôn hành động của một nhóm cư sĩ chứ không phải thi nhân. Tôn chỉ của thi xã là ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi thú nhân, công kích thói bon chen, cầu cạnh ở đời. Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi thì đó là những con người mang trong lòng nỗi thất vọng sâu sắc về sự suy thoái của vương triều Trần. Vì thế có thể thấy trong thơ Trần Quang Triều gần như chỉ phơi bày một tâm trạng cô đơn, với bao điều ngổn ngang. Song cái buồn của ông chỉ là cái buồn nhẹ, chứ chưa đến mức bi đát, vô vọng như Nguyễn Úc. Cho nên lời thơ của ông hãy còn trong sáng, gợi cảm, chứ chưa rơi vào ảo não, được Phan Huy Chú đánh giá là "thanh thoát, đáng ưa" [3;405].

Qua thơ của những người bạn - các tác giả có quan hệ gần gũi với Trần Quang Triều (Nguyễn Úc, Nguyễn Sương, Nguyễn Trung Ngạn .v.v), thấy họ viết về ông với những tình cảm chân thành, tâm phục khẩu phục. Hình ảnh Trần Quang Triều hiện lên trong thơ họ như một nhân cách vĩ đại, một tài năng lớn, văn võ song toàn, chả kém gì Phó Duyệt đời Thương bên Tàu.

Đọc thơ Trần Quang Triều, càng thấy rõ hơn một nhân cách và tâm hồn đẹp, đáng kính. Đó không chỉ là người biết yêu cái đẹp mà còn biết thương tiếc, biết hành động vì cái đẹp. Nhìn nền gạch của một ngôi chùa xưa đổ nát hoang tàn chìm trong cơn mưa chiều, trong lòng Trần Quang Triều dâng trào niềm xót xa vô hạn trước bao tang thương dâu bể cuộc đời:

*Hoang thảo tiền triều tự  
Thu phong cựu chiến trường  
Tàn bi trầm mộ vũ  
Cổ Phật ngọa tà dương  
Thạch thất tàng vân nạp  
Hoa đài cúng dã hương  
Ứng thân vô xứ sở  
Dữ thế cộng hưng vong*

(Ngôi chùa của triều đại trước lẩn giữa đám cỏ hoang/ Bãi chiến trường xưa đang phơi mình trước gió thu/ Tấm bia Tàu chìm trong mưa chiều/ Pho tượng Phật cổ nằm phơi bóng xế/ Tấm áo mây, đã cất trong ngôi nhà đá/ Mùi hương đồng nội dâng lên đài hoa/ Ứng thân không có chỗ nhất định/ Với đời cùng hưng vong).

(Mai thôn phệ tự - Chùa hoang xóm Mai)

Trước chùa hoang xóm Mai trong một buổi chiều thu, lòng thi nhân như chất chứa nỗi sầu vạn cổ. Điều đáng nói là, tuy ngậm ngùi và thương cảm trước cuộc dâu bể nhưng thi sĩ không bộc lộ sự hoang hốt sợ hãi. Dường như, ông ý thức rất rõ rằng, có một cái đẹp vĩnh cửu, một cái đẹp không tàn phai đằng sau cái đẹp mong manh thoáng chốc của thời gian hữu hạn:

*Ứng thân vô xứ sở  
Dữ thế cộng hưng vong  
Ứng thân không có chỗ nhất định  
Với đời cùng hưng vong*

Tuy biết vậy, nhưng bởi lẽ mang trái tim đa cảm, nên những buổi chiều như sầu vạn thuở ấy cứ tiếp tục ám ảnh mãi trong những bài thơ của Trần Quang Triều.

Ở *Đề Phúc Thành từ đường* (Đề nhà từ đường Phúc Thành), có thể cảm nhận rõ một tâm hồn nhạy cảm, rút lui mà không bàng quan đến mức gác bỏ ngoài tai mọi sự của ông:

*Vân tự du du tuế nguyệt thâm,  
Từ đường lưỡng bạn bách sâm sâm.  
Hoa ngưng túc vũ thiên hàng lệ,  
Nguyệt án hàn đàm nhất phiến tâm.  
Đài hạ thảo phân kim nhật lộ,  
Tùng trung hạc thức cựu thời cầm.  
Dạ lai ký đắc đặng tiền mộng,  
Hải khoát thiên cao hà xứ tâm.*

(Dịch nghĩa: *Mây bay man mác năm tháng lâu rồi/ Hai bên nhà thờ cây bách um tùm/ Những hạt mưa đêm đọng lại trên hoa như nghìn hàng lệ/ Mặt trăng in xuống đầm lạnh như một mảnh lòng/ Dưới đài, cỏ rễ thành lối đi ngày nay/ Trong cây thông, chim hạc nhớ cung đàn thuở trước/ Đêm đến ghi nhớ giấc mộng trước đèn/ Nhưng trời cao biển rộng biết tìm đâu?)*

Dịch thơ: *Ngày qua mây tự lững lờ/ Bách xanh um cạnh nhà thờ bấy lâu/ Mảnh lòng: Đầm lạnh trăng thâu/ Mưa đêm: Nghìn giọt lệ sầu vương hoa/ Dưới đài, cỏ rễ đường ra/ Trong thông, hạt nhớ cầm ca thuở nào/ Khôn nguôi biển rộng trời cao/ Tìm đâu giấc mộng đêm nao trước đèn - Phạm Tú Châu dịch).*

Còn ở *Trường An hoài cổ*, nỗi niềm kín đáo thương đời vẫn cứ dẫn vật trái tim ông:

*Hà nhạc chung tồn cổ quốc phi  
Số hàng lãng bắc với tà huy  
Cựu thời vương khí mai thu thảo  
Mộ vũ tiêu tiêu đã điệp phi*

*(Sông núi rớt cuộc vẫn còn mà nước cũ đã đổi khác/  
Mây hàng bách trồng trên gò đặng phơi lưng dưới  
nắng chiều/ Khí để vương triều xưa vùi dưới cỏ mùa  
thu/ Mua chiều hiu hắt bướm nội bay).*

Cảm xúc này làm ta nhớ tới Tô Đông Pha khi ông bắt chợt nhìn thấy một hòn đá nằm chơ vơ dưới nắng chiều hiu hắt bên đường:

*Môn tiền cổ kiệt ngoạn tà dương*

*Duyệt thế như lưu sự khả thương*

*(Trước cửa quán hòn đá chồm nằm trơ trong nắng  
chiều/ Ngắm sự đời, như nước chảy trôi đi và đi mất,  
thấy mà đau)<sup>4</sup>.*

Quả là, với những trái tim nghệ sĩ đa cảm thì dù là người của Đông, Tây kim, cổ, họ vẫn luôn có sự gặp gỡ, đồng điệu trong cảm xúc như vậy.

Một người có trái tim đa cảm, giàu yêu thương, có nhận thức sâu sắc về cái hữu hạn và cái vô hạn của đời, đứng trước thời cuộc đang trên đà suy thoái, khi xã hội bị cuốn theo sức mạnh bên ngoài là lợi danh và quyền lực, còn những chiến thắng Đông Bộ Đầu thời kỳ đánh đuổi quân Nguyên lần thứ nhất (1258) dưới thời Trần Thái Tông, chiến thắng Tây Kết, Chương Dương, Bạch Đằng vào những năm 1285 và 1288 dưới thời Trần Nhân Tông đã chỉ còn là vang bóng, để hiểu tại sao nhiều lần Trần Quang Triều lại bộc lộ trong thơ tâm trạng buồn chán, thất vọng như vậy. Đọc *Chu trung độc chước* (Uống rượu một mình trong thuyền), độc giả không khỏi ám ảnh với hình ảnh một con người đơn côi đang lênh đênh nơi chân trời góc biển nào đó (có thể là vùng biển Đông Bắc, Quảng Ninh), mang trong lòng những ám ức chất chồng: “*Kỳ đa khối lỗi hung trung sự/ Thả hương tôn tiền thí nhất kiều*” (*Chuyện ám ức chất chồng trong dạ/ Mượn chén rượu đội sạch nỗi niềm*).

Thơ Trần Quang Triều nhiều lần xuất hiện hình ảnh con thuyền. Trong số 11 bài thơ còn lại thì hình ảnh con thuyền xuất hiện trong ít nhất 4 bài, chưa kể hình tượng mái chèo. Ra đi để trở về chính là ý nghĩa của hình tượng thuyền. Con thuyền chính là biểu tượng cho khát vọng ra đi, thích du ngoạn, khám phá vùng đất mới: “*Làm trai cho đáng nên trai/ Xuống Đông, Đông tỉnh, lên Đoài, Đoài yên*”. Và con thuyền cũng là biểu tượng cho mong ước trở về, để neo đậu bến quê, được sống một cuộc đời bình lặng dưới bóng núi thanh bình, được uống rượu ngâm thơ cùng bạn bè đồng điệu. Hơn một lần, qua thi ca, Trần Quang Triều trực diện nói đến khát vọng “trở về”. Trong *Quy chu tức sự*, ông viết:

*Quý ngộ niệm thù khinh,*

*Quy tâm mộng tự vinh (oanh).*

*Điều đề yên thụ một,*

*Phàm đới tịch dương hành.*

*Thu tước sơn dung sáu,*

*Triều khai thủy giám minh.*

*Túy ông hồn vị tinh,*

*Hồng điệp mãn giang thành.*

*(Nghĩ đến những cuộc gặp gỡ già dôi lòng càng coi  
nhẹ/ Cho nên giấc mộng về cử vương vẫn mãi/ Chim  
kêu khuát trong đám cây lồng khói/ Cảnh buồn đi  
ngang theo bóng chiều tà/ Hơi thu đèo gầy dáng núi/  
Triều lên, mặt nước như gương sáng/ Ông già say vẫn  
chưa tỉnh/ Lá đỏ rơi đầy thành ven sông)*

Trong xã hội phong kiến phương Đông, khi xã hội ở giai đoạn suy thoái, ta thường gặp nhiều trường hợp nho sĩ mang tư tưởng xuất thế. Nhưng trường hợp xuất thế của Trần Quang Triều có những đặc điểm riêng đáng chú ý. Là tôn thất nhà Trần, dòng dõi Hưng Đạo Đại Vương, có chị gái là Bảo Từ Thuận Thánh hoàng hậu - chính thê của Trần Anh Tông, ông được hưởng nhiều biệt đãi, và trên thực tế, ông đã chứng tỏ mình xứng đáng với những biệt đãi ấy. Nhưng khi mới ngoài 30 tuổi, ông đã muốn “trở về”. Điều này cho thấy ông không phải là người “bỏ cuộc chơi” khi cảm thấy thất bại trên con đường công danh sự nghiệp hoặc không thực hiện được hoài bão của mình như nhiều nho sĩ trước và sau ông gặp phải. Ông chọn “trở về” khi nhận thấy con đường mình đang đi không thích hợp với tâm hồn mình, nhất là khi ông cảm nhận được triều chính nhà Trần lúc này tuy chưa đến độ suy vong nhưng đã bộc lộ những chia rẽ nội bộ mà con mắt nhạy cảm của ông tiên lượng được. Đường như, những dự cảm về ngày tàn của Trần triều đã được ông gửi gắm trong *Trường An hoài cổ*. Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi, bài thơ này “lấp lánh một dự báo thiên tài, một sự khái quát thẩm mỹ đi trước thời đại, báo hiệu được sự suy vong không cưỡng nổi của nhà Trần”. “Âm hưởng man mác không dứt của câu thơ và hình ảnh những cánh bướm liệng mãi dưới màn mưa nói rõ cảm hứng của người làm thơ đã không còn đóng khung trong khuôn khổ của đề tài mà đẩy tới một sự liên tưởng khác hẳn, liên tưởng về cái gì đang và sẽ xảy ra trong hiện tại”[2;22].

Như vậy, việc từ bỏ quan trường của Trần Quang Triều thể hiện sự “dùng thoái” và việc “trở về” để giữ gìn cái tâm thanh sạch này là một thái độ lành mạnh. Hơn nữa, xét cho cùng, thì có nhiều con đường để phục vụ cho quê hương đất nước chứ không nhất thiết phải ra

<sup>4</sup> Lâu quán (Tô Đông Pha)

làm quan thì mới có thể thực hiện được lý tưởng ấy. Và Trần Quang Triều đã lựa chọn con đường khác để phục vụ cho đất nước mà mình đang sống: Trờ về mảnh đất của tổ tông, nơi có vẻ đẹp đơn sơ và giản dị để bồi đắp cho hồn cốt quê hương thêm giàu đẹp hơn. Trên thực tế, ông đã thực hiện sứ mệnh đó một cách vẻ vang. Ông chính là người đã góp công của để tôn tạo chùa Quỳnh Lâm, góp phần để ngôi chùa này trở thành một trong những ngôi chùa danh tiếng bậc nhất nước Nam. Theo các tư liệu ghi chép trong sách vở và bia chùa Quỳnh Lâm thì Trần Quang Triều và vợ là công chúa Thượng Trân đã đóng góp rất nhiều công của cho chùa Quỳnh Lâm. Sách Tam tổ thực lục có ghi lại rằng, năm 1317 khi bắt đầu tu tạo lại chùa Quỳnh Lâm, Trần Quang Triều đã đóng góp 4.000 quan tiền (bia chùa Quỳnh Lâm thì ghi 40 vạn). Đến năm 1324, ông còn cúng thêm 300 mẫu ruộng ở Gia Lâm, hơn 1.000 mẫu ruộng ở An Lưu (thuộc đất phong của An Sinh Vương Trần Liễu) và 1.000 nô tì để làm của tam bảo vĩnh viễn cho chùa.

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử thì hành động hiến tặng ruộng tài sản lớn như vậy (gần như toàn bộ gia sản) cho chùa Quỳnh Lâm chứng tỏ một điều rằng Trần Quang Triều đã muốn gắn bó cả phần xác và phần hồn đối với nơi này. Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi thì sau Không Lộ thiền sư của đời Lý và Pháp Loa thiền sư đệ nhị tổ của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần, người quan trọng thứ ba của Quỳnh Lâm chính là Trần Quang Triều<sup>5</sup>. Bởi cái tên Quỳnh Lâm trong lịch sử không phải chỉ bao gồm có 2 phần, gồm Quỳnh Lâm tự và Quỳnh Lâm thiền viện, mà còn bao gồm một phần thứ 3 nữa, đó là Bích Động Am, mà đã nói đến Bích Động Am thì không thể không nhắc đến Bích Động thi xã, hội tao đàn đầu tiên của nước Nam, nơi tổ chức những cuộc đàm đạo thơ văn lời cuốn hút hết những học giả, nhà thơ có tên tuổi bậc nhất thời bấy giờ. Người đứng đầu thi xã là Cúc đường chủ nhân Trần Quang Triều. Thơ của Bích Động thi xã nói chung, của Trần Quang Triều nói riêng đã góp phần bồi đắp văn học Trần triều và văn học Việt Nam trung đại thêm phong phú, giàu có.

Với riêng Đông Triều và cả dải đất duyên hải địa đầu Đông Bắc, Trần Quang Triều còn là người góp phần tô điểm quê hương bằng những vần thơ tuyệt đẹp. Quê hương trong thơ ông luôn có một vẻ đẹp rất đơn sơ và giản dị, giản dị đến nỗi theo nhà thơ thì khó có một họa sĩ tài hoa nào có thể đưa được phong cảnh ấy vào bức tranh của mình:

*Nam quốc na khan nhập họa đồ  
Tân An trì quán trường cô bồ  
Niên niên lãnh lâm nhân phong nguyệt  
Trúc ngoại nhất thanh đề giá cô*

*(Phong cảnh nước Nam khó có thể đưa vào trong tranh vẽ/ Trong ao bên quán Tân An cỏ năn, cỏ lác mọc/ Hàng năm thâu lượm cảnh trăng gió thành thơ/ Ngoài rặng trúc, một tiếng chim đa đa kêu).*

Trong *Chu trung độc chước* (Uống rượu một mình trong thuyền), quê hương của Trần Quang Triều hiện lên với đường nét cụ thể nhưng đầy vẫy gọi:

*Thu mãn sơn thành bội tịch liêu,  
Gia thư bát đảo hải thiên diêu.  
Nhân tình sơ mật sao bông vũ,  
Thế thái cao đê phách mạn triều.  
Tùng cúc cổ lưu ta dị lộ,  
Cầm thư tuế văn hỷ đồng điều.  
Kỷ đa lỗi khỏi hung trung sự,  
Thả hương tôn tiền thí nhất kiêu.*

*(Thu về đầy núi, càng khiến hiu quạnh bội phần/  
Thư nhà không đến miền biển xa xăm này/ Tình người thưa nhạt như mưa gõ mũi thuyền/ Thói đời lên xuống như nước triều vỗ bờ/ Tùng cúc bạn cũ, than ôi, nay đã khác neo/ Tuổi già đèn sách, mừng rằng hợp điệu/ Biệt bao nỗi niềm chôn chát trong lòng/ Hãy thử già khuấy trước chén rượu xem sao).*

Hình tượng quê hương trong thơ Trần Quang Triều đã hiện lên với những nét hồn vía nhất: Dãy núi dài – cánh cung Đông Triều trùng điệp càng thêm hiu quạnh khi đất trời vào thu. Vùng biển trải dài xa xăm với những con thuyền dưới mưa trong nước triều vỗ nhịp khoan thư. Rồi tùng cúc mướt xanh nơi ngõ xóm. Có thể thấy, thiên nhiên và cuộc sống trù phú nơi thôn dã vùng đất Quảng Ninh hiện lên thật đẹp, có phần xa mờ, nhưng cứ âm ảnh, vương vít mãi trong lòng mỗi người. Khi già đối sự đời càng thôi thúc trong thi nhân mong môi hồi hương: “*Quy tâm mộng tự vinh*” thì quê hương thanh bình, ân tình này chính là nơi bậc đại quan bỏ chốn lao xao hư vinh mà tìm về ẩn dật. Quê hương ấy không lộng lẫy hào hoa như chốn kinh kì, ngược lại, nó có phần hắt hiu, xa ngái với “*Phàm đời tịch dương hành*” (*Cánh buồm đi ngang theo bóng chiều tà*), có cái cô quạnh, tiêu sơ “*Thu tước sơn dung sáu*” (*Hơi thu đèo gầy dáng núi*), nhưng chính những nét tiêu sơ của quê hương miền biên viễn ấy cùng với vẻ đẹp sơn thủy hữu tình càng có sức mạnh vẫy gọi trái tim những người con xa quê tìm về.

<sup>5</sup> Nguyễn Huệ Chi, *Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý Trần, nhìn từ một trung tâm Phật giáo tiêu biểu: Quỳnh Lâm*.

Qua số thơ còn sót lại, có thể thấy Trần Quang Triều dành một tình yêu lớn cho thiên nhiên, cảnh sắc quê hương, đất nước. Bức tranh thiên nhiên trong thơ ông không bị gò bó trong các ước lệ của nghệ thuật phong kiến. Bài thơ nào cũng là một bức tranh sống động mà ở đó cảnh vật hiện ra với đủ mọi sắc vẻ. Đó là bức tranh đầy hương sắc trong *Hoàng Châu đạo thượng tác* (Làm trên đường đi Hoàng Châu):

*Hành lộ thạch đầu hoạt,  
Loan vân tạp chướng yên.  
Khách phàm thu vũ ngoại,  
Sơn tự tịch dương biên.  
Lục âm tang ma địa,  
Hồng minh quất dữu thiên.  
Đãng xa không hữu ức,  
Quy tứ hựu thê nhiên.*

(Dịch nghĩa: Đường đi đá núi tron/ Mây ngàn lẫn với khói lam chướng/ Cảnh buồn khách ngoài trời mưa thu/ Ngòi chùa trên núi trong bóng chiều tà/ Mầu xanh che rợp đất dâu gai/ Mầu hồng chiếu sáng trời quýt bươi/ Lên xe luống những nhớ nhung/ Ý trở về lại thêm man mác).

(Dịch thơ: Đường đi tron đá núi/ Khói độc lẫn mây ngàn/ Buồm khách ngoài mưa gió/ Chùa cao húng nắng tàn/ Đất dâu gai xanh rợp/ Trời quýt bươi đồ chan/ Xe trẩy băng khuâng nhớ/ Lòng về trĩu tâm can – Nguyễn Huệ Chi dịch).

Đó còn là bài thơ đầy thanh âm với âm hưởng ngân nga của tiếng ve và màu sắc trong ngần của một trời trắng lẫn với mùi hoa thông như vương vấn lòng người không dứt trong *Đề Gia Lâm tự* (Đề chùa Gia Lâm):

*Tâm hôi oa giác mộng,  
Bộ lý đảo thiên đường.  
Xuân văn hoa dung bạc,  
Lâm u thiên vận trường.  
Vũ thu thiên nhất bích,  
Thị tịnh nguyệt phân lương.  
Khách khứ tăng vô ngữ,  
Tùng hoa mẫn địa hương.*

(Dịch nghĩa: Lòng ngụi lạnh với giấc mơ sùng con sên/ Đạo bước đến cửa thiên/ Xuân muộn, dáng hoa mỏng mảnh/ Rừng sâu, tiếng ve ngân dài/ Mưa tạnh, trời xanh biếc một màu/ Ao trong, trăng mát dịu toả xuống/ Khách ra về, sự chẳng nói/ Mặt đất thom ngát mùi hoa thông).

(Dịch thơ: *Ngụi ngắt lòng danh lợi/ Am thiên rảo gót qua/ Xuân chầy, hoa mỏng mảnh/ Rừng thăm, ve ngân nga/ Mưa tạnh, da trời biếc/ Ao trong, ánh trăng ngà/ Khách về sự biếng nói/ Thông rụng nước mùi hoa – Nguyễn Huệ Chi dịch).*

Những bài thơ này đều mang rõ sắc thái "thi trung hữu họa" rất gần với thơ Vương Duy đời Đường. Trong thơ ông luôn có một con người cô đơn, không tìm quên mình trong tụng niệm mô chuông mà tìm quên mình trong cảnh; có khi tìm quên chưa được nên vẫn còn trần trở, và cũng có khi đã đạt đến mức nhòa tan hẳn mình đi. Đó chính là ý vị Thiên trong thơ của Cúc Đường chủ nhân nói riêng và của các nhà thơ thuộc Bích Động thi xã nói chung.

Lấy việc đạ bạc với công danh làm lẽ sống, hầu như bài thơ nào của Trần Quang Triều cũng nói đến "ngụi ngắt lòng danh lợi" và "mộng về vương vấn lòng". Trong *Điếu tẩu* (Ông già câu cá), Trần Quang Triều gợi cảm thái độ coi khinh miếng mồi đình chung:

*Độn lãng xuy triều thương bích than,  
Lỗ thanh di nhập bích vân hàn.  
Kỷ hồi bạc nhị huyền chung đình,  
Na trọng Đồng giang nhất diều can.*

(Sóng cá dòn đẩy nước triều lên dòng thác biếc/ Tiếng mái chèo đưa hơi lạnh vào mây xanh/ Đã bao lần coi nhẹ tiếng mồi treo chuông vạc/ Mồi ấy đâu có nặng bằng chiếc cần câu bên sông Đồng).

Cuối cùng thì Trần Quang Triều cũng đã được thỏa nguyện phần nào trên con đường "trở về", trở về với quê hương, trở về với bản thể. Trong *Đề Gia Lâm tự*, độc giả cảm nhận được một sự thanh thân trong lòng thi nhân:

*Tâm hôi oa giác mộng  
Bộ lý đảo Thiên đường  
Xuân văn hoa dung bạc,  
Lâm u thiên vận trường  
Vũ thu thiên nhất bích  
Thị tịnh nguyệt phân lương  
Khách khứ Tăng vô ngữ  
Tùng hoa mẫn địa hương*

(Lòng ngụi lạnh với giấc mơ sùng con sên/ Đạo bước đến cửa Thiên/ Xuân muộn, dáng hoa mỏng mảnh/ Rừng sâu, tiếng ve ngân dài/ Mưa tạnh, trời xanh biếc một màu/ Ao trong, trăng mát dịu toả xuống/ Khách ra về, Sự chẳng nói/ Mặt đất thom ngát mùi hoa thông)

Vẫn là một không gian tĩnh lặng như trong nhiều bài thơ khác nhưng trước mắt là một màu xanh biếc của sự sống, sự trong lành, thanh sạch, và, mặt đất dưới bước chân người vừa mới trở về dường như thơm ngát một mùi hương, nâng bước tâm hồn người hướng về Chân, Thiện, Mĩ.

### 3. Lời kết

Đương thời, Trần Quang Triều không chỉ được triều đình nể trọng mà còn được nhân dân tôn quý. Khi còn làm quan ở triều đình, tiếng nói mạnh mẽ của Trần Quang Triều khiến bọn gian thần phải kinh sợ. Ông xứng đáng với tôn xưng "đấng", "bậc" đức cao vọng trọng mà người đời dành cho. Năm Khai Thái nguyên niên (1324), dưới triều Trần Minh Tông, mặc dù đã từ bỏ quan trường từ lâu, nhưng khi đất nước gặp họa xâm lăng, Trần Quang Triều một lần nữa tham gia gánh vác việc nước, giữ chức Nhập nội kiểm hiệu Tư đồ. Nhưng niềm vui ngắn chẳng tày gang, Trần Quang Triều mất năm 1325, hưởng dương 38 tuổi, bỏ lại bao hoài bão, khát vọng giúp đời. Nhưng ông mãi sống trong lòng những người bạn tri kỉ và trong lòng nhân dân. Người

đời sau, qua thơ văn bổ khuyết cùng dấu tích ông để lại ở mảnh đất Đông Triều, Quảng Ninh không thể không cúi đầu trân trọng trước một tâm vóc văn hóa lớn lao của nhân vật lịch sử này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Đôn, Vũ Đình Liên, Đỗ Đức Hiểu, Lê Trí Viễn, Huỳnh Lí, Trương Chính, Lê Thước (1957), *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
2. Nguyễn Huệ Chi (2000), *Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý Trần - Nhìn từ một trung tâm Phật Giáo tiêu biểu: Quỳnh Lâm*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 5.
3. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (2017), *Di sản Hán Nôm Đông Triều*, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Viện Văn học (1988), *Thơ văn Lý Trần*, tập I, Nxb Khoa học xã hội.
6. Viện Văn học (1988), *Thơ văn Lý Trần*, tập II, Nxb Khoa học xã hội.

## Tran Quang Trieu's verse career, the marshal of the Bich Dong poetry circle, the earliest poetry associations of Vietnamese feudal poetry

Hoang Thu Thu Giang

### Article info

Received:  
21/10/2019

Accepted:  
10/9/2019

Keywords:  
Tran Quang Trieu,  
medieval literature,  
poetry association,  
Bich Dong poetry circle

### Abstract

Tran Quang Trieu was a famous scholar who contributed greatly to medieval Quang Ninh literature in particular and Vietnamese literature in general. He was the founder and owner of Bich Dong poetry circle - one of the earliest poetry associations of Vietnamese feudal poetry. Studying his prose and verse career helps the current generation to better understand the marshal of the Bich Dong poetry circle - the Poetry Association appeared before Tao Dan group that was founded by King Le Thanh Tong. That is also the way for the descendants today to better understand the ancestors' thoughts and spirit.